

DANH SÁCH THU TIỀN

Đợt 1 tháng 11/2025 - Lớp: D 2

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Thông tin khác	Bán trú		Tiền ăn bán trú			Sữa học đường			Tổng số tiền của đợt	Tiền thừa được trừ	Số đã thu của đợt	Số còn phải thu	Ghi chú
				SL	Thành tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền					
1	NAN011901141	Đậu Hồng Anh		1	110.000	13		260.000				370.000			370.000	
2	NAN011901142	Nguyễn Khánh Chi		1	110.000	17		340.000				450.000			450.000	
3	NAN011901143	Trần Hải Đăng		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
4	NAN011901144	Nguyễn Hữu Huy Đạt		1	110.000	14		280.000	14		75.600	465.600			465.600	
5	NAN011901145	Nguyễn Văn Gia Hưng		1	110.000	8		160.000	6		32.400	302.400			302.400	
6	NAN011901146	Nguyễn Doãn Phúc Hưng		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
7	NAN011901147	Nguyễn Hoàng Khánh		1	110.000	15		300.000	14		75.600	485.600			485.600	
8	NAN011901148	Nguyễn Thanh Nhi		1	110.000	16		320.000				430.000			430.000	
9	NAN011901149	Nguyễn Xuân Phát		1	110.000	10		200.000				310.000			310.000	
10	NAN011901150	Trần Mậu Nhật Phong		1	110.000	16		320.000	16		54.000	484.000			484.000	
11	NAN011901151	Chu Hải Phước		1	110.000	17		340.000				450.000			450.000	
12	NAN011901152	Nguyễn Doãn Phước		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
13	NAN011901153	Nguyễn Thu Phương		1	110.000	14		280.000	13		70.200	460.200			460.200	
14	NAN011901154	Nguyễn Hà Phương		1	110.000	14		280.000				390.000			390.000	
15	NAN011901155	Nguyễn Đức Minh Sang		1	110.000	15		300.000	15		81.000	491.000			491.000	
16	NAN011901156	Nguyễn Hữu Tiến Thành		1	110.000	15		300.000	14		75.600	485.600			485.600	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Thông tin khác	Bán trú		Tiền ăn bán trú			Sữa học đường			Tổng số tiền của đợt	Tiền thừa được trừ	Số đã thu của đợt	Số còn phải thu	Ghi chú
				SL	Thành tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền					
17	NAN011901157	Trần Phương Thảo		1	110.000	8		160.000	7		37.800	307.800			307.800	
18	NAN011901160	Nguyễn Ngọc Trâm		1	110.000	16		320.000	15		81.000	511.000			511.000	
19	NAN011901161	Trần Hữu Nhất Trung		1	110.000	10		200.000	9		48.600	358.600			358.600	
20	NAN011901162	Nguyễn Thùy Tiên		1	110.000	14		280.000	15		81.000	471.000			471.000	
21	NAN011901163	Nguyễn Phạm Khánh Vy		1	110.000	17		340.000	15		81.000	531.000			531.000	
22	NAN011901164	Nguyễn Hữu Quốc Uy		1	110.000	14		280.000				390.000			390.000	
23	NAN011901165	Nguyễn Thị Khánh Vy		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
24	NAN011901166	Nguyễn Thị Quỳnh Anh		1	110.000	8		160.000	7		37.800	307.800			307.800	
25	NAN011901167	Chu Trần Đức Duy		1	110.000	14		280.000				390.000			390.000	
26	NAN011901168	Nguyễn Khánh Ngọc		1	110.000	14		280.000				390.000			390.000	
27	NAN011901208	Trần Mậu Minh Phúc		1	110.000	12		240.000	13		70.200	420.200			420.200	
Tổng cộng				27	2.970.000	379		7.580.000	237		1.247.400	11.797.400			11.797.400	

Bằng chữ:

....., Ngày tháng năm

Ban Giám Hiệu

Người lập biểu